

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP LỚP TMT23B1
HỌC KỲ I NĂM HỌC 2023-2024

STT	MSHS	Họ và tên		Ngày sinh	Tin học(2)	Tiếng anh(4)	Tin học văn phòng(3)	Kỹ năng mềm(2)	Tiếng anh chuyên ngành(2)	An toàn vệ sinh công nghiệp(2)	Kỹ thuật đo lường(2)	Kiến trúc máy tính(2)	Điểm TB	Xếp loại
01	2354801024224	Huỳnh Phúc	An	27/11/2006	6.9	6.9	7.7	4.0	3.2	5.0	6.9	3.0	5.7	Trung bình
02	2354801024225	Nguyễn Hoài	An	21/04/2008	7.8	8.5	7.0	6.7	6.7	7.2	7.5	4.0	7.1	Khá
03	2354801024226	La An	Bình	08/03/2008	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
04	2354801024227	Trần Lê	Duy	16/02/2008	6.7	5.4	7.9	6.6	6.9	6.1	8.0	4.5	6.5	Trung bình
05	2354801024228	Trần Thanh	Duy	28/03/2008	7.3	6.1	5.2	6.6	6.8	7.7	8.5	4.6	6.5	Trung bình
06	2354801024229	Lê Tấn	Đạt	01/02/2008	8.6	7.7	8.6	6.6	8.3	7.8	8.9	7.1	8.0	Giỏi
07	2354801024230	Lương Thanh	Hải	05/10/2008	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
08	2354801024231	Nguyễn Duy	Hoàng	24/11/2008	6.7	6.3	6.1	5.4	5.9	4.7	5.7	3.2	5.6	Trung bình
09	2354801024232	Võ Huy	Hoàng	25/11/2008	7.1	5.9	6.2	5.6	6.8	5.8	8.0	4.6	6.2	Trung bình
10	2354801024233	Trương Hoàng Nhật	Huy	29/07/2007	8.4	5.3	9.0	6.1	4.6	4.4	6.7	5.6	6.3	Trung bình
11	2354801024234	Nguyễn	Kha	25/10/2008	7.3	5.2	7.4	6.7	4.7	5.8	9.1	4.3	6.3	Trung bình
12	2354801024235	Tăng Hoàng Bảo	Khang	31/05/2008	8.3	9.7	9.1	6.8	8.7	6.5	7.2	4.2	7.9	Khá
13	2354801024236	Lê Hoàng	Khanh	08/06/2008	6.1	5.0	8.4	0.0	4.4	4.8	6.4	4.2	5.1	Trung bình
14	2354801024237	Đặng Ngọc Đăng	Khoa	12/01/2008	8.9	9.0	8.9	8.3	8.2	8.1	8.0	7.1	8.4	Giỏi
15	2354801024238	Nguyễn Anh	Khoa	25/11/2008	7.5	5.8	5.1	6.1	7.0	5.5	8.1	5.1	6.2	Trung bình
16	2354801024239	Nguyễn Trung	Kiên	24/05/2008	8.1	5.8	6.5	5.3	6.2	6.5	8.5	6.3	6.6	Trung bình
17	2354801024240	Hồ Triệu	Long	05/08/2008	7.7	6.3	6.4	7.2	6.3	5.2	8.5	5.5	6.6	Trung bình
18	2354801024241	Huỳnh Kim	Long	27/10/2008	8.9	6.4	7.3	7.2	7.3	7.1	8.1	7.0	7.3	Khá
19	2354801024242	Lê Minh	Long	24/01/2008	8.0	7.4	8.9	6.8	6.6	6.2	9.1	6.2	7.5	Khá
20	2354801024243	Bùi Hữu	Lượng	01/01/2008	5.8	3.8	5.6	6.2	4.4	5.5	5.8	5.0	5.1	Trung bình
21	2354801024244	Nguyễn Thành	Nam	06/09/2008	8.1	7.3	7.4	6.4	6.8	5.2	5.5	4.7	6.6	Trung bình

STT	MSHS	Họ và tên		Ngày sinh	Tin học(2)	Tiếng anh(4)	Tin học văn phòng(3)	Kỹ năng mềm(2)	Tiếng anh chuyên ngành(2)	An toàn vệ sinh công nghiệp(2)	Kỹ thuật đo lường(2)	Kiến trúc máy tính(2)	Điểm TB	Xếp loại
22	2354801024245	Phạm Dương Hoài	Ngọc	16/02/2008	8.1	6.2	8.4	6.7	7.5	7.2	7.7	4.6	7.0	Khá
23	2354801024246	Nguyễn Thành	Nguyên	02/08/2008	9.2	7.1	8.1	6.6	7.5	6.7	8.0	5.0	7.3	Khá
24	2354801024247	Nguyễn Thanh	Nhà	27/04/2008	5.8	5.0	5.1	5.4	2.0	5.5	6.9	3.4	4.9	Yếu
25	2354801024248	Dương Thành	Phát	16/11/2008	8.3	5.6	8.4	6.8	6.3	5.6	8.6	4.2	6.7	Trung bình
26	2354801024249	Nguyễn Tiến	Phát	01/10/2008	6.4	5.7	6.0	6.4	6.3	6.2	7.1	5.0	6.1	Trung bình
27	2354801024250	Lê Hoài	Phong	12/10/2008	6.9	5.6	5.8	6.4	5.9	6.0	8.5	5.6	6.2	Trung bình
28	2354801024251	Nguyễn Hoài	Phúc	10/07/2008	8.0	4.4	8.2	5.0	6.7	6.6	9.7	5.6	6.6	Trung bình
29	2354801024252	Nguyễn Thiên	Phúc	23/09/2008	8.0	6.3	5.7	5.7	7.4	6.0	8.0	4.1	6.4	Trung bình
30	2354801024253	Trần Trọng	Phúc	15/02/2008	7.4	5.4	6.8	6.4	4.4	5.7	9.1	4.2	6.1	Trung bình
31	2354801024254	Võ Hoàng	Phúc	25/06/2008	8.0	6.8	8.5	5.9	4.4	6.9	9.1	4.7	6.9	Trung bình
32	2354801024255	Nguyễn Nhật Trung	Quân	31/01/2008	0.0	0.0	0.0	2.2	2.1	0.7	0.0	0.0	0.5	Yếu
33	2354801024256	Võ Kim	Son	02/04/2008	7.7	7.3	6.9	5.3	7.3	7.9	9.1	5.9	7.2	Khá
34	2354801024257	Đặng Quốc	Thái	16/05/2007	8.6	5.7	9.2	6.6	6.1	6.0	9.1	6.2	7.1	Khá
35	2354801024258	Huỳnh Quốc	Việt	30/04/2008	7.7	5.7	6.7	6.4	6.3	5.9	8.3	5.0	6.4	Trung bình

TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. Đào tạo

Châu Đốc, ngày 02 tháng 02 năm 2024
Người lập bảng

Ths. Trần Thanh Dũng

Trần Quốc Thái